

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2022/HS-ST
Ngày 28-7-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Quang Thông

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Sĩ
- Ông Nguyễn Hữu Phúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Nhân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 34/2022/TLST-HS ngày 04 tháng 7 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2022/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 7 năm 2022, đối với:

- Bị cáo Nguyễn Thị V, sinh năm 1984; tên gọi khác: Không; nơi sinh: tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: ấp Y, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (Chỗ ở hiện nay: ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp); nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn R, sinh năm 1957 và bà Lưu Thị N, sinh năm 1962; có chồng Nguyễn Văn T, sinh năm 1983 và có 01 người con sinh năm 2006; tiền án: Không; tiền sự: Không; tạm giữ: Không; tạm giam: Không; Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 26/LC-ĐKNCT, ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Công an huyện T.

Bị cáo hiện đang tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1987, có đơn xin vắng mặt.
Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người làm chứng:*

1. Châu Văn T, sinh năm 1987, vắng mặt.

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Nguyễn Văn T, sinh năm 1983, *vắng mặt*.

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3. Nguyễn Văn N, sinh năm 1956, *vắng mặt*.

Địa chỉ: ấp Y, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 03 giờ ngày 02/5/2022, Nguyễn Thị V mang ốc đến nhà Nguyễn Thị Kim T (cách nhà V khoảng 200m) nhờ T bán dùm. Đến nhà V thấy T đang hái bông bí phía sau nhà, chồng và con T đang ngủ. Lúc này, V nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản nên đi đến giường ngủ của T nhìn vào bên trong mùng phát hiện chiếc túi xách T hay mang theo bên người, V dùng tay phải kéo mùng lên lấy chiếc túi xách ra gần mé mùng, mở dây kéo lấy 01 sợi dây chuyền loại mắc xích, có mặt dây chuyền hình tròn trên mặt có cấn nhiều hột màu trắng ghi chữ H; 01 chiếc lắc đeo tay, loại hạt hình tròn và tiền Việt Nam 1.400.000 đồng. Lấy tài sản xong, V kéo dây kéo túi xách lại và để lại chỗ cũ rồi đi về nhà, V mang tài sản vừa trộm được cất giấu trong tủ đựng quần áo (tủ nhựa có nhiều ngăn) trong nhà và tiếp tục đi bắt ốc. Đến 08 giờ cùng ngày, V nghe T nói bị mất trộm tài sản và trình báo công an, V sợ bị phát hiện nên mang sợi dây chuyền và lắc đeo tay đến nhà T để vào chiếc thao nhựa dưới ghế đá trong nhà để trả lại cho T. Công an xã T nhận tin báo của T và mời V về trụ sở làm việc và V đã thừa nhận hành vi lấy trộm tài sản như trên, đồng thời tự nguyện giao nộp số tiền chiếm đoạt trên.

Vật chứng thu giữ của Nguyễn Thị V, gồm: 01 sợi dây chuyền loại mắc xích, có mặt dây chuyền hình tròn trên mặt có cấn nhiều hột màu trắng và ghi chữ H, dây chuyền và mặt dây chuyền là loại vàng 18kara, trọng lượng 04 chỉ 03 phân 04 li; 01 chiếc lắc đeo tay, loại hạt hình tròn, vàng 18kara, trọng lượng 01 chỉ 08 phân 05 li, (đã niêm phong không rõ chất lượng bên trong); tiền Việt Nam 1.400.000 đồng và 01 túi xách, loại vải dù, màu nâu – đen – xanh, trên thân túi có chữ “TRAO” màu đỏ, (đã qua sử dụng).

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số: 18/KL-ĐGTS ngày 04/5/2022 của hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T, kết luận: 01 sợi dây chuyền loại mắc xích, có mặt dây chuyền hình tròn trên mặt có cấn nhiều hột màu trắng và ghi chữ H, dây chuyền và mặt dây chuyền là loại vàng 18kara, trọng lượng 04 chỉ 03 phân 04 li, giá trị định giá là 3.200.000 đồng/chỉ (Trong lượng 4,34 chỉ x 3.200.000 đồng/chỉ = 13.888.000 đồng); 01 chiếc lắc đeo tay, loại hạt hình tròn, vàng 18kara, trọng lượng 01 chỉ 08 phân 05 li, giá trị định giá

là 3.200.000 đồng/chỉ (Trọng lượng 1,85 chỉ x 3.200.000 đồng/chỉ = 5.920.000 đồng). Tổng cộng: 13.888.000 đồng + 5.920.000 đồng = 19.808.000 đồng.

Tại Cáo trạng số: 35/CT-VKS-TN ngày 04 tháng 7 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị V phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên phân tích các tình tiết cấu thành tội phạm và khẳng định cáo trạng đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị V, phạm tội “Trộm cắp tài sản” mức án từ 09 tháng đến 01 năm tù. Tình tiết tăng nặng: Không.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng. Về trách nhiệm dân sự và vật chứng: Giữ nguyên theo Cáo trạng.

- Bị cáo Nguyễn Thị V khai: Thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội “Trộm cắp tài sản” như nội dung cáo trạng đã truy tố và luận tội của Kiểm sát viên. Bị cáo không tham gia tranh luận, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để có cơ hội sửa đổi bản thân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu chứng cứ sau: Bản kết luận định giá tài sản số: 18/KL-HĐĐGTS ngày 04/5/2022 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tố tụng hình sự huyện T; Biên bản khám nghiệm hiện trường và Sơ đồ hiện trường ngày 02/5/2022, Bản ảnh hiện trường; Lời khai bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, cùng toàn bộ chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Do không có tiền tiêu xài cá nhân nên vào khoảng 03 giờ ngày 02/5/2022, bị cáo Nguyễn Thị V mang ốc đến nhà Nguyễn Thị Kim T nhờ T bán dùm. Khi đến nhà T, bị cáo thấy T đang hái bông bí phía sau nhà, chồng và con T đang ngủ nên V đi đến giường ngủ của T nhìn vào bên trong mùng phát hiện chiếc túi xách T hay mang theo bên người, V dùng tay phải kéo mùng lên lấy chiếc túi xách ra gần mé mùng mở dây kéo lấy 01 sợi dây chuyền loại mắc xích, có mặt dây chuyền hình tròn trên mặt có cấn nhiều hột màu trắng và ghi chữ H, dây chuyền và mặt dây chuyền là loại vàng 18kara, trọng lượng 04 chỉ 03 phân 04 li; 01 chiếc lắc đeo tay, loại hạt hình tròn, vàng 18kara, trọng lượng 01 chỉ 08 phân 05 li và tiền Việt Nam 1.500.000 đồng. Tổng tài sản chiếm đoạt có giá trị định giá 13.888.000 đồng + 5.920.000 đồng + 1.500.000 đồng = 21.308.000 đồng.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác, gây mất ổn định an ninh trật tự ở địa phương, gây bất bình trong quần chúng nhân dân đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự mà Viện kiểm sát truy tố bị cáo hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, mức hình phạt theo điều luật quy định phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

[3] Hình phạt bổ sung: Xét thấy, bản thân bị cáo làm ruộng thu nhập thấp nên không áp dụng.

[4] Quyền sở hữu tài sản hợp pháp của mỗi người được pháp luật thừa nhận và bảo vệ, bất kỳ ai xâm phạm đến tài sản của người khác trái pháp luật sẽ bị trừng trị. Tình hình tội phạm về trộm cắp tài sản và hậu quả gây mất an ninh trật tự xã hội hiện nay, gây phản nộ trong quần chúng nhân dân. Bản thân bị cáo có đủ năng lực hành vi nhận thức được điều này nhưng vì lười lao động muốn có tiền tiêu xài mà bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội nhằm phục vụ cho lợi ích cá nhân. Qua đó, thấy được ý thức xem thường pháp luật của bị cáo nên cần thiết phải áp dụng hình phạt tương xứng với nhân thân, tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

Tuy nhiên, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; khắc phục hậu quả (tự giao nộp lại tài sản trộm); phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị hại có đơn xin cho bị cáo hưởng án treo; bị cáo có bà Nguyễn Thị C được Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” ngày 05/9/2016, ông Võ Văn Đ được Thủ Tướng Chính phủ phong tặng “Liệt sĩ”, bà Bùi Thị R được Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” năm 1995, cậu Võ Văn H được Thủ Tướng Chính phủ phong tặng “Liệt sĩ” ngày 26/7/1978 và Võ Văn B được Thủ Tướng Chính phủ phong tặng “Liệt sĩ” ngày 06/10/2010 nên được xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình Sự. Tình tiết tăng nặng: Không.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Đối với 01 sợi dây chuyền loại mắc xích, có mặt dây chuyền hình tròn trên mặt có cấn nhiều hạt màu trắng và ghi chữ H, dây chuyền và mặt dây chuyền là loại vàng 18kara, trọng lượng 04 chỉ 03 phân 04 li; 01 chiếc lắc đeo tay, loại hạt hình tròn, vàng 18kara, trọng lượng 01 chỉ 08 phân 05 li, (đã niêm phong không rõ chất lượng bên trong); tiền Việt Nam 1.400.000 đồng thu giữ của bị cáo V. Tuy nhiên, T trình bày ngoài sợi dây chuyền và chiếc lắc đeo tay trên, T còn bị mất 1.500.000 đồng chứ không phải 1.400.000 đồng. Đến ngày ngày 28/5/2022, bị cáo V đồng ý bồi thường cho T số tiền bị mất 1.500.000 đồng. Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản mất trộm cho chị T 01 sợi dây chuyền; 01 chiếc lắc đeo tay và tiền Việt Nam 1.500.000 đồng đã nhận lại xong, T không yêu cầu gì khác nên không xem xét.

[6] Về vật chứng của vụ án:

Đối với 01 sợi dây chuyền loại mắc xích và 01 chiếc lắc đeo tay và tiền bị mất trộm là 1.500.000 đồng. Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản mất trộm cho chị T đã nhận lại xong, T không yêu cầu gì khác nên không xem xét.

Đối với 01 túi xách, loại vải dù, màu nâu – đen – xanh, trên thân túi có chữ “TRAO” màu đỏ, (đã qua sử dụng). Xét thấy, vật chứng trên là thuộc sở hữu của chị T nhưng chị T không yêu cầu nhận lại và vật chứng trên không còn giá trị nên tịch thu tiêu hủy là phù hợp theo điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị V phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị V 10 (mười) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

2. Về vật chứng: Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) túi xách, loại vải dù, màu nâu – đen – xanh, trên thân túi có chữ “TRAO” màu đỏ, (đã qua sử dụng).

(Vật chứng nêu trên Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp đang quản lý).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Nguyễn Thị V phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện T;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện T;
- Cơ quan THAHS Công an huyện T;
- Nhà tạm giữ Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Hứa Quang Thông